TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Xuân Tơn

- Bà Trần Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Vi Thị Q; Sinh năm: 2001.

2. Bị đơn: - Anh Vi Văn D; Sinh năm: 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn Hành, xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2023 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị Q trình bày:

Chị Q và anh Vi văn D chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/9/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến đầu năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, anh D hay chích

hút, rượu chè, bạo hành vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc vì vậy chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vi Văn D.

Về con chung: Chị Q và anh D có 01 con chung là cháu Vi Ngọc T, sinh ngày 27/01/2018, sau khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến Tòa án để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D và giữ nguyên lời khai tại bản tự khai ngày 17/7/2023 và ngày 20/7/2023.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẩn tình cảm vợ chồng ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, UBND xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã xác nhận: Anh D và chị Q kết hôn năm 2019, sau khi kết hôn có sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống anh D chị Q có 01 con chung là cháu Vi Ngọc T, sinh ngày 27/01/2018. Đến đầu năm 2023 vợ chồng anh D chị Q có phát sinh mâu thuẩn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm được cho nhau. Hiện tại chị Q đã đi làm ăn xa không còn ở địa phương. Mặc dù hai bên gia đình và tổ hòa giải của thôn đã động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Bị đơn, anh Vi Văn D trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tòa án tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viên kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm tra từ thời điểm thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48; Điều 198; khoản

2,3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đều được thực hiện theo đúng quy định Điều 68 và các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về thẩm Q thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chuyển Thông báo thụ lý vụ án, các Quyết định đến Viện kiểm sát và tống đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; các Điều 191, 195, 196,199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1, Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần hồi đồng xét xử theo quy định tại Điều 63; Điều 227, 228, 239, 247 và Chương II Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, Q hạn quy định tại Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện các Q và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật:

Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28, 39; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều Điều 58, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; xử cho chị Vi Thị Q được ly hôn với anh Vi Văn D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vi Ngọc T, sinh ngày 27/01/2018 cho chị Vi Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Q không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải

quyết.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về Q kháng cáo: Các bên đương sự được Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Vi Thị Q khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Vi Văn D. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm Q giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Vi Văn D có nơi cư trú tại thôn Hành, xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án Nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm Q giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã thông báo thụ lý vụ án đồng thời tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh D và chị Q nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được, do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án có Q Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, nhưng bị đơn anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, do đó Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2023 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 theo đúng quy đinh tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh Vi Văn D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Vi Thị Q và bị đơn anh Vi Văn D chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2019 tại UBND xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống, tính cách không hợp nhau, không thông cảm cho nhau dẫn đến cãi cọ và bạo lực gia đình nên không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tòa án đã nhiều lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không đến Tòa án và đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Vi Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vi Văn D.

Sau khi Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ, thấy rằng tình cảm giữa anh D và chị Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nên căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị Q với anh Vi Văn D là phù hợp với pháp luật.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Vi Ngọc T, sinh ngày 27/01/2018. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Vi Thị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, chị Vi Thị Q có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Q có thu nhập ổn định từ 6.500.000đ đến 7.000.000đ/1 tháng, có nơi ở và thời gian chăm sóc cháu T ổn định, để đảm bảo không xáo trộn về việc ăn ở và học tập của cháu T cũng như để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một cách tốt nhất cho cháu T, xét thấy cần giao cháu Vi Ngọc T cho chị Vi Thị Q trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

- *Về tài sản và công nợ:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về Q kháng cáo:* Chị Q và anh D có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị Q.

Chị Vi Thị Q được ly hôn anh Vi Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Ngọc T, sinh ngày 27/01/2018 cho chị Vi Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn anh Vi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có Q qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Vi Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002483 ngày 17/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị Vi Thị Q đã thực hiện xong về phần án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về Q kháng cáo: Chị Vi thị Q có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn anh Vi Văn D có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Long